

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H.**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 907/2020/DS-PT
Ngày 22-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H.**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hải

Các Thẩm phán: Bà Lê Hải Vân

Bà Đỗ Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoài Phương – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố H..

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H. tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 19 tháng 8 năm 2020, ngày 16 tháng 9 năm 2020 và ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân Thành phố H. xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 625/2019/TLPT-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 653/2019/DS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Ch., Thành phố H. bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3358/2020/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7850/2020/QĐ-PT ngày 27 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Quế Ph., sinh năm 1981.

Địa chỉ: P402, khu dân cư Phi Long 5, xã Bình H., huyện Bình Ch., Thành phố H..

2. Bị đơn:

2.1. Ông Hồ Hữu Thủy, sinh năm 1975.

2.2. Bà Đoàn Thị Diệu Th., sinh năm 1983.

Cùng địa chỉ: P403, khu dân cư Phi Long 5, xã Bình H., huyện Bình Ch., Thành phố H..

Địa chỉ liên lạc: Lô E, lầu 14, phòng số 8, chung cư Phú Th., quận Tân Ph., Thành phố H..

Người đại diện hợp pháp của bà Đoàn Thị Diệu Th.: Bà Nguyễn Thị Xuân H., sinh năm 1968, trú tại: 320/525, đường Cách Mạng Tháng Tám, Phường 5, quận Tân B., là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền công chứng số 006865 ngày 09/11/2019 của Văn phòng Công chứng Bình H.).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Đoàn Thị Diệu Th.: Ông Trần Tấn Trí Nhân, Luật sư của Văn phòng luật sư Trần Tấn Trí Nhân thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H..

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1- Ông Võ Đắc S., sinh năm 1977.

Địa chỉ: P402, khu dân cư Phi Long 5, xã Bình H., huyện Bình Ch., Thành phố H..

Người đại diện hợp pháp của ông Sơn: Bà Phan Thị Ngọc Ph., sinh năm 1981, địa chỉ: 17/1B, đường 7, khu phố 3, phường Tam Bình, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 08/01/2018).

3.2. Công ty TNHH thương mại tư vấn đầu tư Văn hóa V. (tên cũ Công ty TNHH tư vấn đầu tư Phi Long)

Địa chỉ: Số 1, khu dân cư Phi Long 5, xã Bình H., huyện Bình Ch., Thành phố H..

Người đại diện hợp pháp của Công ty: Bà Lâm Thị Thanh Nga, địa chỉ: 176/174B1, đường Trần Quốc Thảo, Phường 7, Quận 3, Thành phố H..

4. *Người kháng cáo:* Bà Đoàn Thị Diệu Th. – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2017 và trình bày trong quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Quế Ph. như sau:

Ngày 12/8/2009, ông Hồ Hữu Thủy và bà Đoàn Thị Diệu Th. có vay mượn của bà Nguyễn Thị Quế Ph. và ông Võ Đắc S. số tiền 135.000 USD và 35 lượng vàng SJC, hạn 24 tháng sẽ hoàn trả. Để đảm bảo việc trả nợ, ông Thủy và bà Thùy có thể chấp hợp đồng mua bán căn nhà tại địa chỉ P403, khu dân cư Phi Long 5, xã Bình H., huyện Bình Ch., Thành phố H. cùng giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại ấp 1, xã Phong Phú. Bà Phương có nhận bán chính hợp đồng mua bán căn nhà trên.

Ngày 12/12/2009, ông Thủy trả cho bà Phương 35 lượng vàng SJC và đã nhận lại giấy chứng nhận QSD đất tại ấp 1, xã Phong Phú, huyện Bình Ch..

Ngày 21/5/2010, ông Thủy mượn thêm 20.000 USD, có lập giấy tờ, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 1%/tháng.

Ngày 01/8/2010, ông Thủy mượn thêm 145 lượng vàng SJC, có lập giấy tờ, thời hạn vay 01 năm, lãi suất hàng tháng 30.000.000 đồng.

Ngày 02/12/2010, các bên thỏa thuận lập giấy gia hạn vay tiền với nội dung thỏa thuận thời hạn thanh toán như sau: Đợt 1 ngày 31/12/2010 trả 20 lượng vàng SJC; Đợt 2 ngày 31/1/2011 trả 55 lượng vàng SJC; Đợt 3 ngày 30/5/2011 trả 70 lượng vàng SJC; Đợt 4 ngày 01/10/2011 trả 155.000 USD.

Tuy nhiên, sau nhiều lần hứa hẹn nhưng ông Thủy và bà Thủy không thực hiện trả nợ. Bà Phương khởi kiện yêu cầu ông Thủy và bà Thủy trả số tiền đã vay là 8.820.875.000 đồng (tương đương với 155.000 USD và 145 lượng vàng SJC) theo Giấy gia hạn vay tiền ngày 02/12/2010. Đồng thời bà Phương cũng xác nhận có nhận 45.000 USD bằng việc cầm bộ bàn ghế của ông Thủy.

Ngày 01/12/2010 bà Phương có nhận 70.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 31/12/2010 bà Phương có nhận 50.000.000 đồng tiền lãi. Ngày 03/01/2011 bà Phương có nhận 20.000.000 đồng tiền lãi. Do đó, bà Phương yêu cầu ông Thủy và bà Thủy trả số tiền đã vay gốc là 110.000 USD và 145 lượng vàng SJC tương đương với giá trị tiền đồng Việt Nam tại thời điểm xét xử, không yêu cầu tính lãi, trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Hồ Hữu Thủy trình bày:

Vào khoảng năm 2007, 2008 ông Thủy có vay tiền của ông Sơn và bà Phương để kinh doanh. Trong thời gian đó ông Thủy kinh doanh công trình nên ông Sơn hỗ trợ ông Thủy số tiền, có lập giấy tờ.

Vào khoảng năm 2009 ông Sơn giới thiệu ông Thủy với ông Nguyễn Văn Cung là giám đốc Công ty TNHH Xây dựng Hưng Đạo và ông Lê Quốc Tấn. Sau đó ông Sơn nói với ông Thủy là ông Cung có công trình tại Quận 5. Ông Thủy có gặp ông Cung thì ông Cung nói cần khoảng 15.000.000.000 đồng để lo các thủ tục. Tuy nhiên, ông Thủy không có tiền nên ông Sơn nói sẽ cho ông Thủy vay số tiền trên. Khi ông Thủy đến nhà ông Sơn nhận tiền thì ông Thủy nhận tiền từ bà Phương với số vàng nhận một lần là 145 cây vàng SJC, số tiền USD nhận làm nhiều lần tổng cộng là 155.000 USD (Một trăm năm mươi lăm nghìn đô la). Đến ngày 02/12/2010, ông Thủy và bà Thủy cùng ông Sơn và bà Phương thống nhất số nợ 155.000 USD (Một trăm năm mươi lăm nghìn đô la) và 145 cây vàng SJC (Một trăm bốn mươi lăm cây vàng).

Số tiền ông Thủy đưa cho ông Cung là 9.000.000.000 đồng (Chín tỷ đồng) tiền mặt, trong đó có 155.000 USD và 145 lượng vàng vay của vợ chồng ông Sơn.

Đến tháng 12/2010, ông Thủy được biết công trình không thực hiện được nên ông Thủy có yêu cầu ông Cung trả lại tiền. Lúc đó ông Thủy ủy quyền cho ông Tấn đứng ra chịu trách nhiệm đòi tiền. Ngày 19/3/2011, bên ông Cung đã trả 1.000.000.000 đồng, số tiền này ông Tấn đã trả trực tiếp cho vợ chồng ông Sơn mà không thông qua ông Thủy.

Ngày 15/9/2011, ông Thủy có trả cho ông Sơn 45.000 USD bằng bộ bàn ghế gỗ, ông Sơn có nhận bộ bàn ghế này và cầm bộ bàn ghế này, bộ bàn ghế này chuyển thẳng đến nhà ông Sơn.

Sau đó ông Thủy được biết, giữa ông Hà Thúc Hân và ông Tấn đã đứng ra trả thay cho ông số tiền 10.000.000.000 đồng (thông qua việc cân trừ 02 căn hộ theo giấy xác nhận ngày 04/6/2011). Ông Thủy đã nhiều lần yêu cầu ông Sơn và bà Phương xác nhận xóa nợ cho ông Thủy nhưng các bên không thực hiện. Nay đối với yêu cầu khởi kiện của bà Phương thì ông Thủy không đồng ý vì ông Thủy đã trả đủ tiền cho vợ chồng ông Sơn.

Đối với số tiền lãi thì ông có trả lãi cho vợ chồng ông Sơn và bà Phương, tuy nhiên vợ chồng ông Sơn và bà Phương không thống nhất được số nợ gốc nên ông Thủy không đồng ý trả lãi nữa.

Theo Bản tự khai ngày 04/4/2018 của bị đơn bà Đoàn Thị Diệu Th. trình bày như sau: Trong thời gian ông Võ Đắc S. và bà Nguyễn Thị Quế Ph. cho ông Hồ Hữu Thủy mượn tiền để làm ăn (Ông Sơn là người giới thiệu công trình cho ông Thủy), bà hoàn toàn không biết. Đến khi ông Thủy bị người ta lừa mất hết tiền, mất hết tài sản thì vào ngày 02/12/2010 bà Phương mới mang giấy gia hạn vay tiền qua nhà bà và ép bà ký vào. Nay bà Phương yêu cầu vợ chồng bà trả tiền thì bà không đồng ý vì đây không phải sự thật, vì vợ chồng bà đã cân trừ hết nợ cho bà Phương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Đắc S. có bà Phan Thị Ngọc Ph. đại diện trình bày: Ông Sơn là chồng của bà Nguyễn Thị Quế Ph. xác định khoản nợ này là tài sản chung của vợ chồng ông Sơn bà Phương và bà thống nhất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Quế Ph..

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 653/2019/DS-ST ngày 16/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Ch., Thành phố H. đã tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quế Ph. về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với ông Hồ Hữu Thủy - bà Đoàn Thị Diệu Th..

Buộc ông Hồ Hữu Thủy - bà Đoàn Thị Diệu Th. phải hoàn trả cho ông Võ Đắc S. - bà Nguyễn Thị Quế Ph. số tiền là 8.560.150.000 đồng (Tám tỷ năm trăm sáu mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) (tương đương với 110.000 USD và 145 lượng vàng SJC, theo giá vàng và đồng đô la Mỹ tại thời điểm ngày 16/10/2019) nhưng trừ đi số tiền lãi đã trả là 140.000.000 đồng (Một trăm bốn mươi triệu đồng). Như vậy, ông Hồ Hữu Thủy - bà Đoàn Thị Diệu Th. có trách nhiệm thanh toán cho ông Võ Đắc S. - bà Nguyễn Thị Quế Ph. số tiền vay là 8.420.150.000 đồng (Tám tỷ bốn trăm hai mươi triệu một trăm năm mươi nghìn đồng), trả làm 01 (một) lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự thi hành án tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ khi ông Võ Đắc S. - bà Nguyễn Thị Quế Ph. có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hồ Hữu Thủy- bà Đoàn Thị Diệu Th. chưa thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì ông Hồ Hữu Thủy - bà Đoàn Thị Diệu Th. phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với căn nhà P403, khu dân cư Phi Long 5, xã Bình H., huyện Bình Ch., Thành phố H., thuộc lô P4-3, khu chức năng số 9b- Đô thị Nam thành phố theo Quyết định số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 08/01/2018 đến khi bản án có

hiệu lực pháp luật hoặc theo các quy định tại điều 138 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về án phí: Ông Hồ Hữu Thủy - bà Đoàn Thị Diệu Th. phải chịu 116.420.150 đồng (Một trăm mười sáu triệu bốn trăm hai mươi nghìn một trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Quế Ph. số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 58.410.438 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm mười nghìn bốn trăm ba mươi tám đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2017/0031140 ngày 29/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Ch..

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành bản án.

Ngày 11/11/2019, bà Đoàn Thị Diệu Th. nộp đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên với lý do như sau: Năm 2016 bà Thủy và ông Thủy ly hôn nhưng năm 2018 Tòa án nhân dân huyện Bình Ch. áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với căn nhà số P4-03, khu dân cư Phi Long 5, xã Bình H., huyện Bình Ch. là tài sản chung của ông Thủy và bà Thủy chưa chia là xâm phạm đến quyền lợi của bà. Tòa cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Thủy và bà Thủy trả nợ cho ông Sơn và bà Phương mà chưa làm rõ số ngoại tệ ông Sơn và bà Phương có được từ đâu và sử dụng để làm gì. Việc vay mượn tiền đều do ông Thủy vì bà Thủy không hề ký giấy nhận tiền vay. Bà Thủy nghi ngờ ông Thủy, bà Phương, ông Sơn tạo dựng việc vay mượn nhằm chiếm đoạt phần tài sản chung của bà Thủy sau ly hôn. Tòa cấp sơ thẩm buộc bà Thủy cùng ông Thủy phải trả nợ cho ông Sơn và bà Phương mà không có chứng cứ bà Thủy nhận tiền vay là không có cơ sở. Do đó, bà Thủy kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân huyện Bình Ch..

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút kháng cáo, các đương sự không tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ông Hồ Hữu Thủy cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm tờ giấy Biên nhận ngày 24/02/2011 về việc ông Sơn ký nhận của ông Thủy số tiền 124.000.000 đồng và Biên nhận ngày 04/11/2010 về việc ông Sơn có nhận tiền của Công ty Trường Phát 16.907.000 đồng là tiền lãi tháng 10/2010 của ông Thủy trả cho ông Sơn. Các đương sự còn lại không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Thủy trình bày: Bà Thủy kháng cáo vì bà Thủy ký vào giấy gia hạn nợ ngày 02/12/2010 là bị ép buộc. Khoản nợ bà Phương kiện đòi không liên quan đến bà Thủy vì bà Thủy không sử dụng số tiền này. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm triệu tập ông Tấn và ông Cung đến Tòa án để làm rõ việc ông Tấn và ông Cung trả nợ ông Sơn thay cho ông Thủy, đồng thời đề nghị làm rõ số tiền lãi mà ông Thủy đã trả theo các giấy biên nhận ngày 04/11/2010, 24/02/2011, vấn đề ông Thủy khai tại cấp sơ thẩm đã trả hết lãi cho ông Sơn và bà Phương, xem xét chứng cứ do bà Phương cung cấp là tờ giấy ngày 14/12/2011 có chữ viết của ông Thủy xác nhận chỉ còn nợ 2,2 tỉ đồng.

Ông Hồ Hữu Thủy có ý kiến như sau: Khoản nợ ông Sơn bà Phương không liên quan đến bà Thùy vì toàn bộ số tiền vay này ông Thủy sử dụng vào việc kinh doanh chứ bà Thùy không nhận tiền và không sử dụng đồng nào. Việc kinh doanh này ông Thủy cũng mong muốn mang lợi nhuận về cho gia đình và cũng có khi tiêu xài riêng chứ không đưa cho bà Thùy đồng nào. Ngày 14/12/2011 ông Thủy có viết giấy hẹn trả nợ ông Sơn là 2,2 tỉ đồng là chốt nợ lần cuối. Còn số tiền 16.907.000 đồng theo tờ giấy ghi ngày 04/11/2010 là tiền của ông Thủy cho ông Sơn vay sau đó được căn trừ vào tiền lãi, cộng với 124 triệu đồng nữa thành 140 triệu đồng là tiền lãi của hai tháng mà ông Thủy đã trả. Ông Thủy có ủy quyền cho ông Tấn và ông Cung trả lãi cho ông Sơn. Giấy gia hạn ngày 02/12/2010 bà Thùy bị ép ký vì lúc này ông Thủy và bà Thùy đã ly thân. Ông Thủy xác nhận không còn nợ ông Sơn bà Phương đồng nào vì ông Tấn và ông Cung đã trả thay cho ông bằng việc căn trừ hai căn hộ. An sơ thẩm ông Thủy không kháng cáo vì ông không hiểu biết pháp luật.

Bà Phương ý kiến như sau: Về chứng cứ mới do ông Thủy cung cấp là tờ biên nhận ngày 24/02/2011 do ông Sơn ký thì bà Phương không được biết. Nếu ông Sơn có nhận 124 triệu đồng này thì bà cũng đồng ý trừ vào số tiền còn nợ. Còn biên nhận ngày 04/11/2010 không liên quan vì là giao dịch riêng giữa ông Sơn với Công ty Trường Phát, tuy nhiên, bà Phương cũng chấp nhận trừ số tiền 16.907.000 đồng này vào số tiền còn nợ. Các tài liệu, chứng cứ ông Thủy cung cấp việc ông Tấn và ông Cung trả nợ thay cho ông Thủy đều không thể hiện và đã được Tòa cấp sơ thẩm bác vấn đề này, đồng thời, bà Phương không có đồng ý và không nhận bất cứ khoản tiền nào từ ông Tấn và ông Cung trả nợ thay cho ông Thủy. Còn tờ giấy ngày 14/12/2011 là do ông Thủy tự viết và tự lên kế hoạch trả nợ chứ không có việc các bên thống nhất số nợ còn 2,2 tỉ đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu kháng cáo của bà Thùy.

Đại diện theo ủy quyền của ông Sơn ý kiến như sau: Ông Sơn xác nhận có nhận số tiền 124.000.000 đồng theo biên nhận ngày 24/02/2011 là tiền lãi, còn biên nhận ngày 04/11/2010 là giao dịch riêng giữa ông Sơn với Công ty Trường Phát nhưng ông Sơn cũng đồng ý trừ số tiền này vào số tiền còn nợ. Ông Sơn không có đồng ý và không nhận bất cứ khoản tiền nào từ ông Tấn và ông Cung trả nợ thay cho ông Thủy. Ông Sơn cũng không biết tờ giấy ông Thủy viết ngày 14/12/2011 về chốt nợ lần cuối còn 2,2 tỉ đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm bác yêu cầu kháng cáo của bà Thùy.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Đoàn Thị Diệu Th. ý kiến như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy án sơ thẩm vì thiếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng là các ông Tấn, ông Cung, ông Thịnh, và vì số tiền còn nợ chỉ còn 2,2 tỉ đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố H. phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự chấp hành đúng quy định pháp luật.

Về hình thức: Đơn kháng cáo của bà Đoàn Thị Diệu Th. làm trong thời hạn luật định, nên hợp lệ.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm chưa xét đến hai khoản tiền 124.000.000 đồng và 16.907.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bà Thùy, sửa án sơ thẩm về phần này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về hình thức:

Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý đúng thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tố tụng đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét ngày 16/10/2019 Tòa án nhân dân huyện Bình Ch. xét xử sơ thẩm và tuyên án, đến ngày 11/11/2019 bị đơn bà Đoàn Thị Diệu Th. nộp đơn kháng cáo, thì đơn kháng cáo được nộp trong thời hạn quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hợp lệ, nên được chấp nhận xem xét giải quyết.

[2] Về nội dung:

Xét đơn kháng cáo nộp ngày 11/11/2019 của bị đơn bà Đoàn Thị Diệu Th., Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Về lý do kháng cáo của bà Thùy về việc Tòa cấp sơ thẩm áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với căn nhà số P4-03 khu dân cư Phi Long 5, xã Bình H., huyện Bình Ch. là tài sản chung của ông Thủy và bà Thùy chưa chia là xâm phạm đến quyền lợi của bà là không có cơ sở, bởi lẽ bà Thùy cùng ông Thủy ký xác nhận nợ nên cùng phải chịu trách nhiệm nghĩa vụ trả nợ, do đó, việc Tòa cấp sơ thẩm phong tỏa tài sản đối với người có nghĩa vụ là đúng quy định tại các Điều 111, 126 Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó, cần phải tiếp tục duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời này để bảo đảm cho việc thi hành án.

Về các lý do kháng cáo khác của bà Thùy về việc Tòa cấp sơ thẩm tuyên buộc ông Thủy và bà Thùy trả nợ cho ông Sơn và bà Phương mà chưa làm rõ số ngoại tệ ông Sơn và bà Phương có được từ đâu và sử dụng để làm gì; Việc vay mượn tiền đều do ông Thủy vì bà Thùy không hề ký giấy nhận tiền vay; Bà Thùy nghi ngờ ông Thủy, bà Phương, ông Sơn tạo dựng việc vay mượn nhằm chiếm đoạt phần tài sản chung của bà Thùy sau ly hôn; Tòa cấp sơ thẩm buộc bà Thùy phải trả cho ông Sơn bà Phương mà không có chứng cứ bà Thùy nhận tiền vay, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy gia hạn vay tiền ngày 02/12/2010 giữa ông Võ Đắc S. và bà Nguyễn Thị Quế Ph. với ông Hồ Hữu Thủy và bà Đoàn Thị Diệu Th. cùng ký với nội dung xác nhận ông Thủy và bà Thùy còn nợ lại số tiền là 155.000 USD và 145 lượng vàng SJC, thỏa thuận thời gian thanh toán chia ra làm 04 đợt, lãi suất thỏa

thuận là 70.000.000 đồng/tháng, tài sản đảm bảo là 01 bản chính giấy tờ căn nhà số P403, khu dân cư Phi Long 5, xã Bình H., huyện Bình Ch., Thành phố H.; Căn cứ vào Kết luận giám định số 2642/C09B ngày 26/5/2020 của Phân việc Khoa học Hình sự thuộc Bộ Công An tại Thành phố H., thì các lý do kháng cáo nêu trên của bà Thủy cũng như người đại diện cho bà Thủy cho rằng bà Thủy bị ép buộc ký vào giấy gia hạn ngày 02/12/2010 là không được chấp nhận.

Do đó, việc bà Thủy kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân huyện Bình Ch. là không có cơ sở.

Về vấn đề người đại diện cho bà Thủy đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm triệu tập những người liên quan và người làm chứng để chứng minh việc ông Thủy đã trả hết số tiền trên bằng việc nhờ ông Tấn, ông Cung trả tiền và căn trừ vào các căn hộ. Tuy nhiên, sau khi kiểm tra lại toàn bộ tài liệu, chứng cứ có liên quan thì Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy việc Tòa cấp sơ thẩm cũng đã xem xét và yêu cầu ông Thủy cung cấp các chứng cứ liên quan đến việc trả nợ giữa ba bên là ông Sơn - bà Phương, ông Thủy - bà Thủy, và ông Tấn, ông Cung, cùng các khoản tiền lãi mà phía ông Thủy đã trả, nhưng ông Thủy không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào về vấn đề này cho Tòa án, do đó Tòa cấp sơ thẩm xét thấy ông Tấn và ông Cung không liên quan đến vụ án nên không mời tham gia tố tụng tại Tòa án là phù hợp với tài liệu, chứng cứ hiện có trong hồ sơ vụ án. Mặt khác, vấn đề mà người đại diện cho bà Thủy đặt ra nêu trên cũng không được thể hiện trong đơn kháng cáo của bà Thủy, cũng như ông Thủy không kháng cáo bản án sơ thẩm về vấn đề này. Việc ông Thủy cho rằng không kháng cáo do không hiểu biết pháp luật là không được chấp nhận, vì ông Thủy có tham gia tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm và đã được Tòa cấp sơ thẩm giải thích quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự trong đó có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm nêu trên.

Về tờ giấy ông Thủy ghi ngày 14/12/2011 xác định chỉ còn nợ 2,2 tỉ đồng nhưng không được ông Sơn và bà Phương thừa nhận, và cũng không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh tờ giấy này có được sự đồng ý của ông Sơn, bà Phương, bà Thủy, do đó, ý kiến của ông Thủy, người đại diện cho bà Thủy và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bà Thủy cho rằng số nợ cuối cùng chỉ còn 2,2, tỉ đồng là không có cơ sở.

Xét Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên buộc ông Thủy và bà Thủy cùng phải chịu trách nhiệm trả nợ cho ông Sơn và bà Phương số tiền 8.420.150.000 đồng là có cơ sở. Tuy nhiên, sau khi Hội đồng xét xử phúc thẩm kiểm tra lại toàn bộ tài liệu, chứng cứ do các bên đương sự cung cấp trong hồ sơ vụ án, thì hai tờ biên nhận ngày 04/11/2010 và ngày 24/02/2011 chưa được Tòa cấp sơ thẩm xem xét. Đối với biên nhận ngày 04/11/2010 không thể hiện rõ việc ông Sơn nhận số tiền 16.907.000 đồng mà theo ông Thủy cho rằng là tiền lãi mà ông Thủy trả cho khoản nợ đang tranh chấp, tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, bà Phương và người đại diện cho ông Sơn cùng đồng ý trừ khoản tiền này vào tiền còn nợ, nên được Hội đồng xét xử phúc thẩm ghi nhận. Đối với biên nhận ngày 24/02/2011 được người đại diện cho ông Sơn và bà Phương thừa nhận nên có cơ sở chấp nhận chứng cứ này, cần phải

cán trừ số tiền 124.000.000 đồng ông Sơn đã nhận vào tổng số tiền ông Thủy bà và Thủy còn nợ ông Sơn và bà Phương.

Về chi phí giám định: Do người đại diện cho bà Thủy đã nộp đầy đủ và đồng ý chịu toàn bộ nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xét.

Xét thấy những thiếu sót nêu trên của Tòa cấp sơ thẩm thì Tòa cấp phúc thẩm có thể khắc phục được, nên cần phải sửa án sơ thẩm về khoản nợ bị đơn phải trả và án phí bị đơn phải nộp, cụ thể như sau: Số tiền mà ông Thủy và bà Thủy còn phải có nghĩa vụ thanh toán cho ông Sơn và bà Phương theo bản án sơ thẩm đã tuyên buộc là 8.420.150.000 đồng (*Tám tỷ, bốn trăm hai mươi triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng*) trừ đi 124.000.000 đồng (*Một trăm, hai mươi bốn triệu đồng*), trừ tiếp 16.907.000 đồng (*Mười sáu triệu, chín trăm, lẻ bảy nghìn đồng*), còn lại 8.279.243.000 đồng (*Tám tỷ, hai trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng*). Do đó, số tiền án phí sơ thẩm mà bị đơn còn phải chịu là 114.279.243 đồng.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 308, Khoản 2 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 128, 136, 137, 471, 476, 478 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Pháp lệnh ngoại hối năm 2005;

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự,

1. Chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo của bà Đoàn Thị Diệu Th. về số tiền lãi đã trả.

2. Không chấp nhận phần yêu cầu kháng cáo còn lại của bà Đoàn Thị Diệu Th. về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án nhân dân huyện Bình Ch..

3. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 653/2019/DS-ST ngày 16 tháng 10 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Bình Ch., Thành phố H..

Tuyên xử:

3.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Quế Ph..

Buộc ông Hồ Hữu Thủy và bà Đoàn Thị Diệu Th. phải trả cho ông Võ Đắc S. và bà Nguyễn Thị Quế Ph. theo Giấy gia hạn vay tiền ngày 02 tháng 12 năm 2010 số tiền là 8.279.243.000 đồng (*Tám tỉ, hai trăm bảy mươi chín triệu, hai trăm bốn mươi ba nghìn đồng*), trả làm 01 (một) lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Các bên đương sự thi hành án tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày ông Võ Đắc S. và bà Nguyễn Thị Quế Ph. có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền này mà ông Hồ Hữu Thủy và bà Đoàn Thị Diệu Th. chậm trả, thì ông Hồ Hữu Thủy và bà Đoàn Thị Diệu Th. còn phải chịu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3.2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời là phong tỏa tài sản của người có nghĩa vụ đối với căn nhà P403, khu dân cư Phi Long 5, xã Bình H., huyện Bình Ch., Thành phố H. thuộc lô P4-3 khu chức năng số 9b- Đô thị Nam thành phố theo Quyết định số 02/2018/QĐ-BPKCTT ngày 08/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bình Ch. để đảm bảo cho việc thi hành án.

3.3- Về án phí:

Ông Hồ Hữu Thủy và bà Đoàn Thị Diệu Th. phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 114.279.243 đồng (*Một trăm, mười bốn triệu, hai trăm bảy mươi chín nghìn, hai trăm bốn mươi ba đồng*) và nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Quế Ph. số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 58.410.438 đồng (*Năm mươi tám triệu, bốn trăm mười nghìn, bốn trăm ba mươi tám đồng*) theo Biên lai thu số AA/2017/0031140 ngày 29/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Ch..

Bà Đoàn Thị Diệu Th. được nhận lại số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số AA/2019/0008878 ngày 11/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Ch..

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND Cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- TAND huyện Bình Ch.;
- Chi cục THADS huyện Bình Ch.;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án ().

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thu Hải